

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN C  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 26.6.2020

V/v tranh chấp: “Ly hôn và  
nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Trần Thị Yến Trinh**

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông **Huỳnh Kim Sơn**

2. Ông **Nguyễn Văn Hải**

**- T1 ký phiên tòa:** Bà **Phan Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Ngày 26 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2020/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Hồ Thị Hồng T**, sinh năm: 1994

Địa chỉ: Ấp Hựu Lộc, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Văn Đ**, sinh năm: 1990

Địa chỉ: ấp Hựu Lộc, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

(Các đương sự đều có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 28/4/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị **Hồ Thị Hồng T** trình bày như sau: Chị và anh **Đ** cưới nhau năm 2014, hôn nhân do tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/3/2014 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An. Sau khi cưới, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh **Đ** không chăm lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị có khuyên ngăn nhiều lần nhưng anh **Đ** vẫn không thay đổi mà còn gây ra nợ nần rồi bỏ nhà ra đi từ tháng 5/2019 nên chị về bên nhà mẹ ruột ở và vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh **Đ** vì xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã không thể giải quyết để tiếp tục chung sống hạnh phúc.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên **Trần Thị Hồng T1**, sinh ngày 22/11/2014 và **Trần Minh L**, sinh ngày 16/5/2016, hiện nay cháu **T1**

đang sống với cha còn cháu L đang sống với mẹ. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị T làm nghề buôn bán tại chợ Bình Điền, thời gian làm việc từ 8 giờ tối đến 8 giờ sáng, thu nhập mỗi tháng khoảng 12.000.000 đồng. Thời gian đi làm chị gửi con cho cha mẹ ruột chăm sóc.

Về chia tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Trần Văn Đ trình bày: Về thời gian tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian vợ chồng sống ly thân chị T trình bày là đúng. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý vì xét thấy vợ chồng đã không còn tình cảm với nhau nữa.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 đứa con chung đúng như chị T đã trình bày. Anh yêu cầu được giữ nguyên tình trạng để anh tiếp tục nuôi con tên Trần Thị Hồng T1 còn chị T tiếp tục nuôi con tên Trần Minh L và không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay anh đang làm nghề sà lan, thu nhập mỗi tháng khoảng 20.000.000 đồng, trong thời gian đi làm thì anh cũng nhờ cha mẹ ruột của anh chăm sóc con.

Về chia tài sản: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa chị Hồ Thị Hồng T đồng ý với yêu cầu của anh Trần Văn Đ để mỗi người nuôi một đứa con, cụ thể chị tiếp tục nuôi con tên Trần Minh L còn anh Đ tiếp tục nuôi con tên Trần Thị Hồng T1 và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Hồ Thị Hồng T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Đ là quan hệ pháp luật “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Tại phiên tòa chị T và anh Đ cùng yêu cầu được ly hôn vì mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không thể giải quyết để tiếp tục chung sống hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2019 đến nay. Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T và anh Đ là tự nguyện nên Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị T và anh Đ.

[3] Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Hồng T1, sinh ngày 22/11/2014 và Trần Minh L, sinh ngày 16/5/2016. Tại phiên tòa chị T và anh Đ thỏa thuận thống nhất để chị T tiếp tục nuôi con tên Trần Minh L còn anh Đ tiếp tục nuôi con tên Trần Thị Hồng T1 và không ai phải cấp dưỡng nuôi con xét thấy phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Chị T và anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì L ích của con chung, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[5] Về án phí: Chị Hồ Thị Hồng T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Hồ Thị Hồng T và anh Trần Văn Đ.

2. Về nuôi con chung: Chị Hồ Thị Hồng T được tiếp tục nuôi con chung tên Trần Minh L, sinh ngày 16/5/2016; anh Trần Văn Đ được tiếp tục nuôi con tên Trần Thị Hồng T1, sinh ngày 22/11/2014 và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T và anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Hồ Thị Hồng T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0008421 ngày 18/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và

9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**TRẦN THỊ YẾN TRINH**

**Thành Viên  
Hội Đồng Xét Xử**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Yến Trinh**





















